

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94131 - QUY HOẠCH ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG (URBAN, RURAL AND LANDCAPE ENVIRONMENTAL PLANNING)

I. Thông tin về học phần

- Học kỳ: 5
- Số tín chỉ: 4 (lý thuyết: 3,0; thực hành: 1,0; tự học: 12,0)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp/ trực tuyến: 45 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp/trực tuyến:
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 15 tiết (30 tiết quy đổi)
- Tự học: 180 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - Bộ môn: Quy hoạch đất đai
 - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên sâu ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Học phần học song hành: không
- Học phần tiên quyết: không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

*** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
<i>Kiến thức chung</i>	
CDR1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực bất động sản.	1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực bất động sản.
	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực bất động sản.
<i>Kiến thức chuyên môn</i>	
CDR4: Đề xuất giải pháp quản lý và kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.	4.2. Đề xuất giải pháp kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
<i>Kỹ năng chuyên môn</i>	
CĐR6: Sử dụng các nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý bất động sản.	6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh bất động sản.
<i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>	
CĐR7: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, năng động, sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực bất động sản.	7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý bất động sản.
CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	Chỉ báo 8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

*** Mục tiêu:** Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên:

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường, những yêu cầu về quy hoạch chung, quy hoạch các khu chức năng đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường. Áp dụng kiến thức kinh tế, môi trường, chính trị, xã hội và nhân văn trong lĩnh vực quy hoạch và quản lý đất đai.

- Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên hiểu được nguyên lý và phương pháp lập quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường, nhằm nâng cao kiến thức về quy hoạch sử dụng các nguồn tài nguyên phát triển kinh tế, xã hội, đáp ứng mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Về các mục tiêu khác (thái độ học tập): Giúp sinh viên thể hiện tinh thần trách nhiệm trách nhiệm với môi trường và xã hội, với sự phát triển, chủ động, hợp tác trong công việc nhằm phát huy trí tuệ tập thể, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Cùng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT					
		1.1	1.2	4.2	6.2	7.2	8.1
TM94131	Quy hoạch đô thị nông thôn và cảnh quan môi trường	P	P	R	P	P	P

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên sinh thái và môi trường trong lĩnh vực quản lý bất động sản.	1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực bất động sản.

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
K2	Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực quản lý bất động sản.	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực bất động sản.
K3	Đề xuất giải pháp quản lý và kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.	4.2. Đề xuất giải pháp kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế thị trường.
Kỹ năng		
K4	Phân tích hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh bất động sản.	6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác đăng ký, thống kê đất đai, quy hoạch, quản lý và kinh doanh bất động sản.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Đề xuất kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực quản lý bất động sản.	7.2. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Quản lý bất động sản.
K6	Áp dụng thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.	Chỉ báo 8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

III. Nội dung văn tắt của học phần:

TM94131. Quy hoạch đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường (Urban, rural and landscape environmental planning): (4: 3 – 1,0 – 12,0). Những vấn đề chung về cơ cấu dân cư đô thị/nông thôn; Đô thị và quy hoạch đô thị (khái niệm, phân loại, lịch sử phát triển, đô thị hóa, quy hoạch cải tạo và phát triển không gian đô thị); Quy hoạch nông thôn (khái niệm, nguyên tắc, nội dung phương pháp quy hoạch phát triển nông thôn, quy hoạch xây dựng nông thôn mới); quy hoạch cảnh quan môi trường (khái niệm, các loại hình cảnh quan, quy hoạch cảnh quan các khu chức năng; Khái niệm, phương pháp và nội dung của quy hoạch môi trường, quy hoạch môi trường trong phát triển kinh tế xã hội.); thực hành thiết kế quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm (phường/xã) theo trình tự (vị trí và đánh giá hiện trạng; lập sơ đồ cơ cấu quy hoạch; quy hoạch chi tiết kiến trúc cảnh quan).

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp
- Dạy học dựa trên vấn đề
- Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy
- Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành
- Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning
- Giảng dạy trực tuyến.

2. Phương pháp học tập

- Nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo môn học

- Nghe giảng trên lớp/trực tuyến
- Thảo luận các vấn đề liên quan
- Đặt câu hỏi và xử lý câu hỏi.
- Làm việc trong phòng thực hành
- Học tập trực tuyến.

V. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần phải tham dự ít nhất 75% số tiết học lý thuyết theo quy định.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần phải chuẩn bị tài liệu môn học, đọc tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu trước mỗi buổi học.
- Kiểm tra giữa kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần phải làm bài kiểm tra giữa kỳ môn học do giáo viên giảng dạy quy định.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần phải tham dự thực hành và nộp bài thực hành do giáo viên giảng dạy quy định.
- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên phải tham gia và làm bài thi cuối kỳ theo lịch của Học viện.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình		40	
Rubric 1 - Đánh giá chuyên cần	K1, K2, K3, K4, K5, K6	10	Theo lịch Học viện
Rubric 2 - Đánh giá kiểm tra giữa kỳ	K1, K2, K3	10	Giữa phần học lý thuyết
Rubric 3 - Đánh giá thực hành	K1, K2, K3, K4, K5, K6	20	Theo lịch Học viện
Đánh giá cuối kỳ		60	
Rubric 4 - Đánh giá cuối kì	K1, K2, K3	60	Theo lịch Học viện

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Áp dụng những khái niệm về cơ cấu cư dân và sự phát triển của cơ cấu cư dân
	Chỉ báo 2: Áp dụng những khái niệm về đô thị, nông thôn và cảnh quan môi trường
	Chỉ báo 3: Phân tích sự phát triển đô thị, nông thôn, cảnh quan và môi trường
K2	Chỉ báo 4: Phân tích những nguyên lý quy hoạch đô thị và nông thôn
	Chỉ báo 5: Phân tích quy hoạch cảnh quan và môi trường
K3	Chỉ báo 6: Đề xuất giải pháp quy hoạch đô thị nông thôn và cảnh quan môi trường

Rubric 1: Chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10 điểm)	Khá (6,5-8,4 điểm)	Trung bình (4,0-6,4 điểm)	Kém (0-3,9 điểm)
Thời gian tham dự lớp	50	Tham dự từ 29-30 tiết	Tham dự từ 26-28 tiết	Tham dự từ 23-25 tiết	<23 tiết
Thái độ tham dự lớp	50	Có kết quả giữa kỳ trên 7 điểm	Có kết quả giữa kỳ từ 5,5-7 điểm	Có kết quả giữa kỳ từ 4-5,5 điểm	Có kết quả giữa kỳ dưới 4 điểm

Rubric 2: Kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10 điểm)	Khá (6,5-8,4 điểm)	Trung bình (4,0-6,4 điểm)	Kém (0-3,9 điểm)
Hình thức	10	Hình thức rõ ràng (a), trình bày sạch đẹp (b), đầy đủ thông tin bài tập (c)	Đạt 2/3 nội dung (a), (b), (c)	Đạt 1/3 nội dung (a), (b), (c)	Không đạt cả 3 nội dung (a), (b), (c)
Phương pháp	20	Áp dụng phương pháp sáng tạo, linh hoạt	Đúng phương pháp	Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả	Sai phương pháp (0 đ)
Nội dung kiểm tra: 01 câu hỏi tự luận	70	Đạt > 85% các ý trong đáp án	Đạt từ 65-85% các ý đáp án	Đạt 40-65% các ý trong đáp án	Đạt <40% các ý trong đáp án

Rubric 3: Thực hành – Đồ án môn học (0,3)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt (8,5-10 điểm)	Khá (6,5-8,4 điểm)	Trung bình (4,0-6,4 điểm)	Kém (0-3,9 điểm)
Hình thức	20	Hình thức rõ ràng (a), trình bày sạch đẹp (b), đầy đủ thông tin (c)	Đạt 2/3 nội dung (a), (b), (c)	Đạt 1/3 nội dung (a), (b), (c)	Không đạt cả 3 nội dung (a), (b), (c)
Cấu trúc	20	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	60	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu bài thực hành	Đáp ứng tương đối đầy đủ các yêu cầu bài thực hành	Đáp ứng các yêu cầu bài thực hành	Không đáp ứng các yêu cầu bài thực hành

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Về tham dự lớp: Tất cả các sinh viên phải tham gia các buổi học trên lớp học hoặc các buổi học trực tuyến (>75% thời gian của học phần).

- *Tham gia bài kiểm tra giữa kỳ:* Sinh viên phải dự và làm bài kiểm tra giữa kỳ mới được dự thi hết học phần.

- *Thực hành:* Tất cả các sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành, vắng 1 buổi không được tham gia thi hết học phần; nộp bài thực hành đầy đủ và đúng hạn theo yêu cầu.

- *Yêu cầu về đạo đức:* Tôn trọng, hợp tác, giúp đỡ bạn bè, thầy cô, đồng nghiệp.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo:

* *Sách giáo trình/Bài giảng:*

Vũ Thị Bình, Nguyễn Quang Học, Quyền Thị Lan Phương. (2008). *Quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Vũ Thị Bình và cộng sự. (2006). *Quy hoạch phát triển nông thôn*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Nguyễn Thị Vòng và cộng sự (2015). *Quy hoạch môi trường*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Đỗ Văn Nhạ, Quyền Thị Lan Phương, Nguyễn Quang Học (2021). *Quy hoạch cảnh quan*. Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

*** Tài liệu tham khảo khác:**

+ Ủy ban thường vụ quốc hội. Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13. Phân loại đô thị
+ Nguyễn Thế Bá. (2013). *Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị*. NXB Xây dựng, Hà Nội, 2004.

+ Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tôn Ánh Hồng. (2017). *Kiến trúc cảnh quan Việt Nam: Truyền thống và hiện đại*. NXB Xây dựng, Hà Nội.

+ Hàn Tất Ngạn. (2014). *Kiến trúc cảnh quan*. NXB Xây dựng, Hà Nội.

+ Đàm Thu Trang. (2013). *Thiết kế kiến trúc cảnh quan khu ở*. NXB Xây dựng, Hà Nội.

+ Phạm Hùng Cường, Lâm Quang Cường, Đặng Thái Hoàng, Phạm Thuý Loan, Đàm Thu Trang. (2014). *Quy hoạch xây dựng đơn vị ở*. NXB Xây dựng, Hà Nội.

+ Đoàn Công Quỳ và cộng sự. (2006). *Quy hoạch sử dụng đất*. NXB Nông nghiệp. Hà Nội.

+ Nguyễn Thị Vòng và cộng sự (2008). *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội*. Nhà xuất bản Nông nghiệp 2008

+ Tiêu chuẩn Việt Nam - Các Tiêu chuẩn Việt Nam về Quy hoạch xây dựng. Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội 2009.

+ Xây dựng chuẩn đối sánh trong đánh giá thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn mới huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Đề tài cấp học viện 2019. Quyền Thị Lan Phương, Nguyễn Tuấn Anh, Đặng Thị Mai.

VIII. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1-2	Chương 1: Cơ cấu cư dân trong phạm vi vùng lãnh thổ	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 1. CƯ DÂN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI 1.1. Khái niệm cơ cấu cư dân 1.2. Cư dân trong phát triển kinh tế xã hội 2. MỤC TIÊU VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CƠ CẤU CƯ DÂN 2.1. Mục tiêu 2.2. Xu hướng phát triển cơ cấu cư dân 3. PHÂN BỐ HỆ THỐNG ĐIỂM DÂN CƯ TRONG VÙNG LÃNH THỔ 3.1. Phân loại hệ thống điểm dân cư 3.2. Nguyên lý quy hoạch và tạo lập cơ cấu cư dân 3.3. Môi trường thiên nhiên và cảnh quan trong cơ cấu cư dân của vùng	K1, K2, K3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) 1. Ôn lại kiến thức chương 1	K4, K5, K6

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	2. Nghiên cứu tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung của chương 1	
3-4	Chương 2: Đô thị và quy hoạch đô thị	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (13 tiết) 1. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ ĐÔ THỊ VÀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ 1.1. Điểm dân cư đô thị 1.2. Phân loại đô thị 1.3. Quản lý đô thị 1.4. Mục tiêu cơ bản của công tác quy hoạch xây dựng đô thị 1.5. Nội dung chính của đồ án quy hoạch xây dựng đô thị 2. ĐÔ THỊ HOÁ VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ 2.1. Đô thị hóa 2.2. Lược khảo quá trình phát triển đô thị trên thế giới 2.3. Khái quát quá trình phát triển đô thị Việt Nam. 3. QUY HOẠCH CHUNG CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ 3.1. Mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch chung xây dựng đô thị 3.2. Xây dựng các tiền đề phát triển đô thị 3.3. Định hướng phát triển không gian đô thị 3.4. Quy hoạch cải tạo đô thị 4. QUY HOẠCH XÂY DỰNG CÁC KHU CHỨC NĂNG TRONG ĐÔ THỊ 4.1. Quy hoạch xây dựng khu công nghiệp 4.2. Quy hoạch xây dựng khu kho tàng 4.3. Quy hoạch đất dân dụng đô thị 4.4. Quy hoạch khu trung tâm đô thị và hệ thống dịch vụ công cộng đô thị 4.5. Quy hoạch hệ thống giao thông đô thị 4.6. Quy hoạch khu cây xanh đô thị	K1, K2, K3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (39 tiết) 1. Ôn lại kiến thức chương 2 2. Nghiên cứu tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung của chương 2	K4, K5, K6
5-7	Chương 3: Nông thôn và quy hoạch nông thôn	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (13 tiết) 1. QUY HOẠCH NÔNG THÔN 1.1. Khái niệm về quy hoạch phát triển nông thôn 1.2. Nguyên lý của quy hoạch phát triển nông thôn 1.3. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc của quy hoạch phát triển nông thôn 1.4. Nội dung và phương pháp quy hoạch phát triển nông thôn 1.5. Trình tự các bước tiến hành lập phương án quy hoạch phát triển nông thôn 1.6. Đánh giá hiệu quả của phương án quy hoạch	K1, K2, K3

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	1.7. Đánh giá tác động môi trường của phương án quy hoạch II. QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 2.1. Giới thiệu về xây dựng Nông thôn mới 2.1.1. Một số khái niệm cơ bản 2.1.2. Sự cần thiết phải thực hiện quy hoạch nông thôn mới 2.1.3. Mục tiêu của xây dựng nông thôn mới 2.1.4. Các nguyên tắc xây dựng nông thôn mới 2.1.5. Các tiêu chí trong chương trình xây dựng nông thôn mới 2.1.6. Cơ sở pháp lý xây dựng nông thôn mới 2.2. Thực tiễn xây dựng nông thôn mới 2.2.1. Thực tiễn xây dựng nông thôn mới trên thế giới 2.2.2. Thực tiễn xây dựng nông thôn mới tại Việt Nam 2.3. Nội dung xây dựng Nông thôn mới 2.3.1. Quy hoạch sử dụng đất trong quy hoạch xây dựng NTM 2.3.2. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp 2.3.3. Quy hoạch hạ tầng	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (39 tiết) 1. Ôn lại kiến thức chương 3 2. Nghiên cứu tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung của chương 3	K4, K5, K6
5-7	Chương 4: Quy hoạch cảnh quan	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) 1. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ CẢNH QUAN VÀ QUY HOẠCH CẢNH QUAN 1.1. Khái niệm chung về quy hoạch cảnh quan 1.2. Quy hoạch cảnh quan ở Việt Nam và trên thế giới 1.3. Đối tượng, phương pháp và trình tự lập quy hoạch cảnh quan 1.4. Các nguyên tắc bố cục quy hoạch cảnh quan 1.5. Quy hoạch cảnh quan nông thôn 1.6. Quy hoạch cảnh quan đô thị 2. QUY HOẠCH CẢNH QUAN CÁC KHU CHỨC NĂNG 2.1. Quy hoạch không gian cảnh quan vườn - công viên 2.2. Quy hoạch không gian cảnh quan khu vực quảng trường 2.3. Quy hoạch không gian cảnh quan đường phố 2.4. Bố cục và trang trí các yếu tố tạo cảnh trong quy hoạch cảnh quan	K1, K2, K3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 tiết) 1. Ôn lại kiến thức chương 4 2. Nghiên cứu tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung của chương 4	K4, K5, K6
5-7	Chương 5: Quy hoạch môi trường	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (8 tiết)	K1, K2, K3

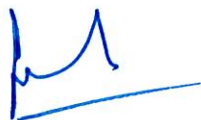
Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	1. KHÁI QUÁT VỀ QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG (1 tiết) 1.1. Khái luận về quy hoạch và quy hoạch môi trường 1.2. Cơ sở pháp lý trong quy hoạch môi trường Việt Nam 1.3. Đặc điểm và quy hoạch môi trường 2. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG (1 tiết) 2.1. Tiếp cận hệ sinh thái trong quy hoạch môi trường 2.2. Hệ thống các chỉ tiêu môi trường 3. PHƯƠNG PHÁP CHỦ YẾU ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG (1,5 tiết) 3.1. Phương pháp phân tích hệ thống 3.2. Phương pháp viễn thám và hệ thống tin địa lý (GIS) 3.3. Phương pháp đánh giá môi trường 3.4. Phương pháp bản đồ 3.5. Phương pháp mô tả so sánh 4. NỘI DUNG QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG (2 tiết) 4.1. Điều tra, đánh giá điều kiện môi trường 4.2. Đánh giá tác động môi trường và đánh giá phương án 4.3. Xác định vấn đề và mục tiêu chung môi trường 4.4. Thiết kế quy hoạch 4.5. Quản lý quy hoạch 5. QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG CÁC LĨNH VỰC NGÀNH KINH TẾ - XÃ HỘI (2 tiết) 5.1. Quy hoạch môi trường nông thôn 5.2. Quy hoạch môi trường làng nghề - cụm làng nghề 5.3. Quy hoạch môi trường khu công nghiệp 5.4. Quy hoạch môi trường du lịch 5.5. Quy hoạch môi trường đô thị 5.6. Quy hoạch môi trường hạ tầng kinh tế - xã hội 5.7. Quan hệ quy hoạch bảo vệ môi trường với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 tiết) 1. Ôn lại kiến thức chương 5 2. Nghiên cứu tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung của chương 5	K4, K5, K6
8-10	Phần thực hành : Thiết kế quy hoạch chi tiết khu trung tâm cấp xã (15 tiết) - Nhận nhiệm vụ thiết kế - Nghiên cứu các khái niệm và thuật ngữ chuyên môn - Lựa chọn khu vực nghiên cứu thiết kế, phân tích vị trí	K1, K2, K3, K4, K5, K6

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	- Thiết lập phương án cơ cấu, thể hiện mối quan hệ thống nhất giữa các khu chức năng trong tổng thể quy hoạch, phân khu chức năng đất đai và các hạng mục công trình trong khu trung tâm. - Thiết lập quy hoạch chi tiết kiến trúc cảnh quan, tổ chức không gian chi tiết.	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (45 tiết) - Sinh viên hoàn thành bài thực hành được giao	K4, K5, K6

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: giảng đường đủ rộng; có máy chiếu, bảng, micro; đủ ánh sáng và thích hợp sử dụng máy chiếu; có kết nối Internet
- Phòng thực hành: phòng thực hành sạch sẽ, thoáng mát, đủ chỗ cho sinh viên; có bảng viết; có 25 bàn vẽ cho 01 nhóm sinh viên thực tập.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng, bút chì, loa, mic.
- E- learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams, Zoom...), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không dễ xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.
- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: tham gia học tập trên lớp học/ học trực tuyến: tham dự đầy đủ, tích cực, nộp bài thực hành đúng thời gian quy định, chất lượng bài thực hành đảm bảo.

TRƯỞNG BỘ MÔN



PGS.TS. Đỗ Văn Nhạ

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. TRẦN QUỐC VINH

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



PGS.TS. Đỗ Văn Nhạ



KẾ TẬP GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



GS.TS. PHẠM VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Quyền Thị Lan Phương	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên & Môi trường, Học viện NN Việt Nam	Điện thoại liên hệ:
Email: qtlphuong@vnua.edu.vn	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên: gặp trực tiếp hoặc qua email	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Đỗ Văn Nhạ	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên & Môi trường, Học viện NN Việt Nam	Điện thoại liên hệ:
Email: dovannha@vnua.edu.vn	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên: gặp trực tiếp hoặc qua email	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Quang Học	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên & Môi trường, Học viện NN Việt Nam	Điện thoại liên hệ:
Email: nqhoc@vnua.edu.vn	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên: gặp trực tiếp hoặc qua email	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Vũ Thị Thu	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên & Môi trường, Học viện NN Việt Nam	Điện thoại liên hệ:
Email: vuthithu@vnua.edu.vn	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên: gặp trực tiếp hoặc qua email	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài nguyên & Môi trường, Học viện NN Việt Nam	Điện thoại liên hệ:
Email: ntanh@vnua.edu.vn	Trang web https://tnmt.vnua.edu.vn/bo-mon/quan-ly-dat-dai/
Cách liên lạc với giảng viên: gặp trực tiếp hoặc qua email	

CÁC LẦN CẢI TIẾN

(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học viện)

Lần 1- (Tháng 7/2024): Cải tiến chương trình đào tạo. Chính sửa chuẩn đầu ra của học phần và mức độ đóng góp của học phần cho CDR CTĐT. Cập nhật nội dung học phần, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.